

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/DS-ST

Ngày 28-11-2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và ông Nguyễn Bá Lý.

-Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Diệp Thị Khánh C, sinh năm 1954; có địa chỉ cư trú: Số nhà 15, đường Trần Phú, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; do anh Lê Đức T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số nhà 13, đường Nguyễn Du, phường T thành phố P, tỉnh Gia Lai, làm đại diện theo Giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ, ngày 22/3/2019, số công chứng: 448, quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Thanh T, sinh năm 1982; có địa chỉ cư trú (cũ): Số nhà 166, đường Lý Thường Kiệt, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà 83, đường Đ, tổ 4, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 04-3-2019, bản tự khai đề ngày 27/3/2019, nguyên đơn trình bày:

Tôi và bà Vũ Thị Thanh T có quen biết nhau trước đó, nên bà T có đến nhà tôi và vay tiền của tôi rất nhiều lần, mỗi lần vay tiền, bà T đều viết 01 giấy nhận nợ vay

tiền với số tiền tương ứng rồi giao cho tôi giữ. Tính từ ngày 19/8/2015 đến ngày 03/9/2015, bà Vũ Thị Thanh T đã vay của tôi 04 lần tiền, cụ thể:

Trong ngày 19/8/2015, bà T đến nhà tôi vay của tôi 02 lần, tổng cộng số tiền là 1.100.000.000 đồng để mua đất, bà T cam kết đến ngày 12/9/2015 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh cho tôi.

Ngày 03/9/2015, bà T tiếp tục vay của tôi số tiền 500.000.000 đồng để xây dựng kho hàng. Khi vay tiền, bà T có thể chấp cho tôi 01 xe ô tô Hyundai Elantra, biển kiểm soát 81A-08226 (các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu chiếc xe ô tô này bà T đang thế chấp tại Ngân hàng, bà T cam kết đến ngày 18/9/2015 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho tôi.

Đến hạn thanh toán các khoản nợ tại Ngân hàng, nhưng bà T không thanh toán nên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Y, thành phố P đã khởi kiện bà T tại Tòa án, và cơ quan thi hành án đã kê biên chiếc xe ô tô nêu trên.

Đến ngày 24/12/2015, bà T tiếp tục vay của tôi số tiền 300.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng, bà T cam kết đến ngày 26/12/2015 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho tôi. Tổng cộng số tiền bà T đã vay của tôi là 1.900.000.000 đồng.

Sau đó, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, bà T đã trả cho tôi được số tiền 400.000.000 đồng, còn nợ lại 1.500.000.000 đồng từ đó đến nay chưa trả mà bà T cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Bà Diệp Thị Khánh C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị Thanh T phải trả cho bà C số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nhưng không yêu cầu trả lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2019, bị đơn là bà Vũ Thị Thanh T trình bày: Năm 2015, tôi có vay của bà Diệp Thị Khánh C số tiền 1.900.000.000 đồng, tôi đã trả cho bà C được 400.000.000 đồng. Hiện nay tôi còn nợ bà C số tiền 1.500.000.000 đồng. Tôi còn 01 bìa đỏ hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Y vay số tiền 200.000.000 đồng, tại phường T, thành phố P. Hiện tại giá trị bìa đỏ trên là 2.000.000.000 đồng, tôi đồng ý sử dụng tài sản này để cân trừ nợ hết số tiền còn nợ bà C. Khi bà C nộp tiền trả nợ Ngân hàng và rút bìa đỏ ra, tôi đồng ý ký giấy chuyển nhượng cho bà C để bà C viết giấy biên nhận tôi trả hết nợ cho bà và không còn nợ tiền của bà C nữa, bao gồm các khoản nợ gốc và lãi phát sinh.

Tuy nhiên, từ ngày viết bản tự khai nêu trên thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà T không đến Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và tiếp tục yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị Thanh T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nhưng không yêu cầu trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà Vũ Thị Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án, như: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Tâm không đến Tòa án. Vì vậy, căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là bà Vũ Thị Thanh T.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ tiền. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 02 tờ “*Giấy nhận nợ vay tiền*”. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn bà Vũ Thị Thanh T có địa chỉ cư trú tại thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Chứng cứ do bà Diệp Thị Khánh C cung cấp cho Tòa án là 01 bản gốc “*Giấy nhận nợ vay tiền*” được viết theo mẫu và người mượn tiền là bà Vũ Thị Thanh T đã ký ngày 03 tháng 9 năm 2015, số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không xác định rõ mức lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 18/9/2015; 01 bản phô tô “*Giấy nhận nợ vay tiền*” được viết theo mẫu và người mượn tiền là bà Vũ Thị Thanh T đã ký ngày 19/8/2015, số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không xác định rõ mức lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 12/9/2015; 01 bản phô tô “*Giấy nhận nợ vay tiền*” được viết theo mẫu và người mượn tiền là bà Vũ Thị Thanh T đã ký ngày 24/12/2015, số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không xác định rõ mức lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 26/12/2015 (bản gốc của 02 giấy nhận nợ vay tiền ngày 19/8/2015 và ngày 24/12/2015 hiện nay đang lưu tại 01 hồ sơ vụ án hình sự và được Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai trả lời theo văn bản số: 756/TB-VKS-P3 ngày 16/10/2019). Theo đó, bà Vũ Thị Thanh T đã vay của bà Diệp Thị Khánh C tổng số tiền là: 1.900.000.000 đồng. Như vậy, 03 giấy nhận nợ vay tiền nêu trên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, nhưng không xác định mức lãi suất, quy định tại Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi đến thời hạn trả nợ, bà C đã nhiều lần yêu cầu bà T phải trả nợ, nhưng bà T chỉ trả được 400.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.500.000.000 đồng từ đó đến nay bà T chưa cho bà C. Vì vậy, bà C được quyền làm

đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả nợ số tiền còn nợ như đã nêu trên.

[6] Tại Bản tự khai ngày 27/6/2019, bị đơn là bà Vũ Thị Thanh T đã thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà C về số tiền bà T đã vay và số tiền hiện nay đang còn nợ bà C.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm [5] đến [6] nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định: Năm 2015, bà Vũ Thị Thanh T đã vay của bà Diệp Thị Khánh C số tiền 1.900.000.000 đồng, nhưng đã trả được 400.000.000 đồng và còn nợ 1.500.000.000 đồng đến nay chưa trả. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Diệp Thị Khánh C là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất tiền vay nên không xét đến.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn là bà Vũ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 91, 227, 228, 144, 147, 235, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 463, 466, 469, 470, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Diệp Thị Khánh C.

2. Buộc bà Vũ Thị Thanh T phải thanh toán cho bà Diệp Thị Khánh C số tiền: 1.500.000.000 (bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn là bà Vũ Thị Thanh T phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 57.000.000 (bằng chữ: Năm mươi bảy triệu) đồng.

Bà Diệp Thị Khánh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Diệp Thị Khánh C số tiền 28.500.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo theo lai thu số 0001162 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Người được quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Báo cho: Bà Diệp Thị Khánh C được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án là ngày 28-11-2019. Bà Vũ Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thường